

Số: 197/2019/QĐST-HNGĐ

Bắc Quang, ngày 12 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 250/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nông Thị Th, sinh năm: 1972; dân tộc: Tày;

Bị đơn: Ông Trần Quang Kh, sinh năm 1972; dân tộc: Kinh;

Cùng cư trú: Đội 4, thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2019,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nông Thị Th và ông Trần Quang Kh.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nông Thị Th và ông Trần Quang Kh thuận tình ly hôn.

**Về nuôi con chung:** Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Thị Th, sinh ngày 08/8/1993, cháu Trần Thị L, sinh ngày 01/6/1996 và cháu Trần Thị T,

sinh ngày 02/8/2003. Hiện cháu Trần Thị Th và cháu Trần Thị L đã đủ 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nông Thị Th và ông Trần Quang Kh thỏa thuận bà Nông Thị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Trần Quang Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này bà Th, ông Kh có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

**Về phân tài sản (công nợ chung):** Các đương sự tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Bà Nông Thị Th tự nguyện chịu 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000911 ngày 24/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang. Trả lại cho bà Nông Thị Th số tiền 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch. Ông Trần Quang Kh không phải chịu án phí.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- UBND tt.T, h.H, t. T;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Hải Hà**